

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH Một thành viên Trường Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 45/2023/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND tỉnh ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 164/GP-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh;

Căn cứ Giấy phép khai thác nước dưới đất số 09/GP-UBND ngày 13/01/2025 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 53/TTr-STNMT ngày 13/01/2025 (kèm theo Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước ngày 06/12/2024 của Công ty TNHH Một thành viên Trường Tuấn).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH Một thành viên Trường Tuấn theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 164/GP-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh và Giấy phép khai thác nước dưới đất số 09/GP-UBND ngày 13/01/2025 của UBND tỉnh, với các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH Một thành viên Trường Tuấn.
 - Địa chỉ: Khu 1, thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.
 - Mã số thuế: 2801416035.

2. Công trình khai thác, sử dụng nước: Công trình khai thác nước dưới đất tại thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục đích và lưu lượng sử dụng nước phải nộp tiền: Phục vụ hoạt động của Nhà máy nước sạch thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Lưu lượng sử dụng nước phải nộp tiền:

a) Theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 164/GP-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh:

- Đối với các giếng có chiều sâu nhỏ hơn 100m (G_1, G_2, G_3), mục đích sử dụng nước cấp cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

$W_1 = 19\% \times (480+430+430) \text{ m}^3/\text{ngày}, \text{ đêm} \times 2.691 \text{ ngày} \times 365/365 \text{ ngày} = 685.128,6 \text{ m}^3.$

- Đối với các giếng có chiều sâu từ 100m đến 300m (G_4, G_5), mục đích sử dụng nước cấp cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

$W_2 = 19\% \times (930+430) \text{ m}^3/\text{ngày}, \text{ đêm} \times 2.691 \text{ ngày} \times 365/365 \text{ ngày} = 695.354,4 \text{ m}^3.$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước từ ngày 01/9/2017 (ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành) đến hết ngày 14/01/2025 (ngày hết hiệu lực của Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 164/GP-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh) là 2.691 ngày; tỷ lệ cấp nước cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ là 19% (= $513 \text{ m}^3/2.700 \text{ m}^3$); chế độ khai thác trong năm: 365/365 ngày.

b) Theo Giấy phép khai thác nước dưới đất số 09/GP-UBND ngày 13/01/2025 của UBND tỉnh:

- Đối với mục đích sử dụng nước cấp cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

$W_3 = 1.215 \text{ m}^3/\text{ngày}, \text{ đêm} \times 594 \text{ ngày} \times 365/365 \text{ ngày} = 721.710 \text{ m}^3.$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước từ ngày 15/01/2025 đến hết ngày 31/8/2026 (theo hiệu lực của Giấy phép khai thác nước dưới đất số 09/GP-UBND ngày 13/01/2025 của UBND tỉnh) là 594 ngày; chế độ khai thác trong năm: 365/365 ngày.

- Đối với mục đích sử dụng nước cấp cho sinh hoạt của nhân dân và các cơ quan hành chính, sự nghiệp, cơ sở y tế, giáo dục:

$W_4 = 1.485 \text{ m}^3/\text{ngày}, \text{ đêm} \times 427 \text{ ngày} \times 365/365 \text{ ngày} = 634.095 \text{ m}^3.$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/8/2026 (theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 47 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ và hiệu lực của

Giấy phép khai thác nước dưới đất số 09/GP-UBND ngày 13/01/2025 của UBND tỉnh); chế độ khai thác trong năm: 365/365 ngày.

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

$G = 6.000$ đồng/m³ (đối với nước dưới đất dùng cho sản xuất kinh doanh nước sạch).

5. Hệ số điều chỉnh:

a) Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 164/GP-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh:

- Đối với các giếng có chiều sâu nhỏ hơn 100m (G_1, G_2, G_3):

$$K = 1 + (0,3 + 0 + 0,1) = 1,4.$$

- Đối với các giếng có chiều sâu từ 100m đến 300m (G_4, G_5):

$$K = 1 + (0,3 + 0 + 0,05) = 1,35.$$

b) Giấy phép khai thác nước dưới đất số 09/GP-UBND ngày 13/01/2025 của UBND tỉnh:

$$K = 1 + (0,3 + 0 + 0,1) = 1,4.$$

6. Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

- $M_1 = 2,0\%$ (đối với khai thác nước dùng cho kinh doanh, dịch vụ).

- $M_2 = 0,1\%$ (đối với khai thác nước dùng cho sinh hoạt).

7. Số tiền phải nộp 01 ngày:

- Từ ngày 15/01/2025 đến hết ngày 30/6/2025:

$$T_{01 \text{ ngày}} = W_{01 \text{ ngày}} \times G \times K \times M = 1.215 \text{ m}^3/\text{ngày}, \text{ đêm} \times 6.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 2,0\% = 204.120 \text{ đồng/ngày}.$$

- Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/8/2026:

$$T_{01 \text{ ngày}} = W_{01 \text{ ngày}} \times G \times K \times M = (1.215 \text{ m}^3/\text{ngày}, \text{ đêm} \times 6.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 2,0\%) + (1.485 \text{ m}^3/\text{ngày}, \text{ đêm} \times 6.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 0,1\%) = 216.594 \text{ đồng/ngày}.$$

8. Tổng số ngày khai thác phải nộp tiền: 3.285 ngày (tính từ ngày 01/09/2017 đến hết ngày 31/8/2026; chế độ khai thác trong năm: 365/365 ngày).

9. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp:

a) Theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 164/GP-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh:

- Đối với các giếng có chiều sâu nhỏ hơn 100m (G_1, G_2, G_3):

$$T_1 = W_1 \times G \times K \times M_1 = 685.128,6 \text{ m}^3 \times 6.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 2,0 \% = 115.101.605 \text{ đồng}.$$

- Đối với các giếng có chiều sâu từ 100m đến 300m (G_4, G_5):

$$T_2 = W_2 \times G \times K \times M_1 = 695.354,4 \text{ m}^3 \times 6.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,35 \times 2,0 \% = 112.647.413 \text{ đồng.}$$

b) Theo Giấy phép khai thác nước dưới đất số 09/GP-UBND ngày 13/01/2025 của UBND tỉnh:

- Đối với mục đích sử dụng nước cấp cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

$$T_3 = W_3 \times G \times K \times M_1 = 721.710 \text{ m}^3 \times 6.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 2,0\% = 121.247.280 \text{ đồng.}$$

- Đối với mục đích sử dụng nước cấp cho sinh hoạt của nhân dân và các cơ quan hành chính, sự nghiệp, cơ sở y tế, giáo dục:

$$T_4 = W_4 \times G \times K \times M_2 = 634.095 \text{ m}^3 \times 6.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 0,1\% = 5.326.398 \text{ đồng.}$$

c) Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp là:

$$T = T_1 + T_2 + T_3 + T_4 = 354.322.696 \text{ đồng (Ba trăm năm mươi tư triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm chín mươi sáu đồng).}$$

Trong đó, phân chia số tiền phải nộp hàng năm như sau:

- Tổng số tiền phải nộp từ năm 2017 đến năm 2021 là: 133.889.000 đồng (trong đó: năm 2017 là 10.325.000 đồng; các năm 2018, 2019, 2020, 2021 là: 30.891.000 đồng/năm);

- Số tiền phải nộp hàng năm tiếp theo (2022-2024): 30.891.000 đồng/năm;

- Số tiền phải nộp năm 2025: 75.126.000 đồng;

- Số tiền phải nộp năm 2026 (tính đến hết ngày 31/8/2026): 52.634.696 đồng.

10. Phương án nộp tiền: Nộp 01 lần/năm.

11. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh.

12. Trường hợp có vướng mắc, Công ty TNHH Một thành viên Trường Tuấn liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan khác về tính chính xác của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

- Tham mưu điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có) đối với Công ty TNHH Một thành viên Trường Tuấn.

2. Cục Thuế tỉnh:

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (nếu có) và gửi Công ty TNHH Một thành viên Trường Tuấn; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành.

- Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12), tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Công ty TNHH Một thành viên Trường Tuấn:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh; trường hợp chưa nhận được thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phải có trách nhiệm liên hệ với Cục Thuế tỉnh để thực hiện nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Công ty TNHH Một thành viên Trường Tuấn gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc khai thác, sử dụng nước đúng mục đích; tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ, phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

- Trường hợp có nhu cầu điều chỉnh việc tăng, giảm số lần nộp, số tiền phải nộp cho mỗi lần nộp thì phải có văn bản gửi Cục Thuế tỉnh để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

4. UBND huyện Yên Định; UBND thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3291/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Một thành viên Trường Tuấn.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Yên Định; Chủ tịch UBND thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định; Công ty TNHH Một thành viên Trường Tuấn; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC_{VN2083}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi